

C, ngày 13 tháng 4 năm 2021

Số: **147/2021/QĐST-HNGĐ**

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH BẾN TRE

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 193/2021/TLST-VHNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021 về việc yêu cầu “*Công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:
 - Anh Trương Minh T, sinh ngày 05/12/1990.
Địa chỉ: 23A, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.
 - Chị Lê Thị Hồng G, sinh ngày 04/12/1992.
Địa chỉ: 189A, ấp P, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Trương Minh T và chị Lê Thị Hồng G cùng trình bày:

Anh và chị tự nguyện kết hôn, hai bên có đăng ký kết hôn tại UBND xã T ngày 06/12/2011. Sau khi kết hôn trong quá trình sống chung hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống và có những xung đột hàng ngày và mặc dù hai bên đã tìm nhiều cách hàn gắn tình cảm nhưng không thành, hiện anh và chị đã sống ly thân với nhau, chị trở về nhà cha mẹ ruột chị ở xã Q, huyện C sinh sống từ tháng năm 2013 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh và chị cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh và chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên cùng yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận sự thuận tình ly hôn và hai bên không yêu cầu về cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi thuận tình ly hôn. Từ những căn cứ nêu trên, có cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh T, chị G đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn

nhân không đạt được vì vậy cần chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh T, chị G là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Anh T, chị G có 01 con chung là cháu Trương Lê Thúy A, sinh ngày 01/10/2012, hiện đang sống chung với anh T, sau khi thuận tình ly hôn hai bên thỏa thuận anh T là người trực tiếp nuôi cháu A, chị G không có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

[2] Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Anh Trương Minh T và chị Lê Thị Hồng G thuận tình ly hôn; ghi nhận anh Trương Minh T và chị Lê Thị Hồng G không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh Trương Minh T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Trương Lê Thúy A, sinh ngày 01/10/2012, hiện đang sống chung với anh T cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Ghi nhận anh Trương Minh T không yêu cầu chị Lê Thị Hồng G thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Chị Lê Thị Hồng G có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở chị G thực hiện quyền, nghĩa vụ này tuy nhiên khi người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

2. Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000đồng anh Trương Minh T tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số

0005054 ngày 24/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đường sự (02b);
- VKSND huyện C (01b);
- TAND tỉnh Bến Tre (01b);
- Chi cục THADS huyện C (01b);
- UBND xã T, huyện C
, tỉnh Bến Tre (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b).

THẨM PHÁN

Đào Chí Cường